

PHÒNG TTTT THỐNG KÊ

CÁC PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA THỐNG KÊ ĐANG THỰC HIỆN VÀ THAY ĐỔI TỪ NĂM 2022

| STT | DIỄN GIẢI | PA ĐANG THỰC HIỆN | PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 | GHI CHÚ (những điểm mới) |
|-----------|--|--|---|--------------------------|
| | Trang Web (hoặc phần mềm) | phần mềm điều tra BBBL-DV-VT tháng | https://cathe.gso.gov.vn | |
| | Quyết định số/ngày/tháng/năm | (theo QĐ số 573/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống Kê) | (theo QĐ số 990/QĐ-TCTK ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Tổng cục | |
| | TÊN CUỘC ĐIỀU TRA | Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác | Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác | |
| I | MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA | | | |
| | - Mục đích | Nhằm phục vụ công tác quản lý, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kt và từng địa phương. Biên soạn các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh. | Như cũ | |
| | - Yêu cầu | liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra | Như cũ | |
| | | ko trùng với các điều tra khác. Các chỉ tiêu điều tra được giải thích rõ ràng và thống nhất. | Như cũ | |
| | | - Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê | Như cũ | |
| | | - Quản lý và sử dụng kinh phí cuộc điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành | Như cũ | |
| II | PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA | | | |

| STT | DIỄN GIẢI | PA ĐANG THỰC HIỆN | PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 | GHI CHÚ (những điểm mới) |
|------------|----------------------|--|---|--|
| 1 | Phạm vi điều tra | Phạm vi: * Đối với điều tra tháng. Chọn mẫu tại 63 tỉnh thành đối với các DN, HTX và cơ sở cá thể có hoạt động kinh doanh chính thuộc ngành kt: Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống Ngành J: Thông tin và truyền thông Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ Ngành P: Giáo dục và đào tạo Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội Ngành R: Nghệ thuật, | Phạm vi đối với điều tra tháng. Như cũ *Đối với điều tra quý: Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. | Phạm vi: p/án mới thêm ngành K |
| 2 | Đối tượng điều tra | Đối tượng: Hoạt động của dịch vụ, lưu trú, ăn unngs, du lịch, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thông tin và truyền thông, hoạt động chuyên môn và khoa học công nghệ và một số dịch vụ khác | Thêm ngành K: Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm | |
| 3 | Đơn vị điều tra | Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp thuộc các loại hình: Doanh nghiệp nhà nước; DN tư nhân; công ty hợp danh; công ty TNHH tư nhân (bao gồm cả công ty TNHH có vốn nhà nước dưới hoặc bằng 50%); Công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới hoặc bằng 50%; Công ty cổ phần không có vốn nhà nước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, ngoài Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài. Đối với tập đoàn tổng công ty: Đơn vị điều tra là văn phòng tập đoàn, văn phòng tổng công ty. Đối với tập đoàn kihn tế tổ chức theo công ty mẹ, công ty con: Đơn vị điều tra là văn | Bao gồm các DN, chi nhánh doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh (chịu sự điều chỉnh của luật DN và các luật chuyên ngành). '-Các HTX '- Các cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch; tài chính; ngân hàng và bảo hiểm; thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản; chuyên môn khoa học và công nghệ; hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt | Đơn vị điều tra: P/an mới thêm ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng |
| III | LOẠI ĐIỀU TRA | | | |

| STT | DIỄN GIẢI | PA ĐANG THỰC HIỆN | PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 | GHI CHÚ (những điểm mới) |
|-----------|---|--|--|---|
| 1 | Điều tra toàn bộ | | Như cũ | |
| 2 | Điều tra chọn mẫu | Là điều tra chọn mẫu. Mẫu điều tra được chọn để suy rộng cho cấp tỉnh. | Là điều tra chọn mẫu. Mẫu điều tra được chọn để suy rộng cho cấp tỉnh, thành phố theo một số phân tổ chủ | |
| | | | | |
| IV | THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA | | | |
| 1 | Thời điểm điều tra | | | |
| 2 | Thời gian điều tra | Từ ngày 8 - 12 hàng tháng | Từ ngày 5- 12 hàng tháng | |
| 3 | Thời kỳ thu thập thông tin | Thu thập số liệu thực hiện tháng trước, dự tính | Như cũ | |
| 4 | Phương pháp điều tra | | | |
| | Thu thập số liệu trực tiếp | Điều tra viên đến từng cơ sở cá thể được chọn mẫu thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm thông tin về tình hình kinh doanh của cơ sở, kết hợp với quan sát để ghi vào phiếu điều tra | Điều tra viên đến từng cơ sở thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm thông tin về tình hình kinh doanh của cơ sở, kết hợp với quan sát để ghi vào | - PA đang thực hiện: điều tra phiếu giấy - PA mới: điều tra phiếu điện tử (CAPI) |
| | Thu thập số liệu gián tiếp | Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã: Cán bộ Chi cục Thống kê địa phương hướng dẫn đơn vị điều tra ghi và hoàn thiện phiếu điều tra; lãnh đạo đơn vị duyệt, ký, đóng dấu và gửi phiếu điều tra về Chi cục Thống kê. | Áp dụng đối với các DN, HTX. Đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thống kê. ĐTV có trách nhiệm cung cấp tên tài khoản, mật khẩu tới đơn vị điều tra để thực hiện cung cấp thông tin trên phiếu điều tra điện tử (phiếu Webform); Hướng dẫn cung | P/án mới điều tra bằng phiếu điện tử (phiếu Webform). |
| V | NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA | | | |
| 1 | Nội dung điều tra | Cuộc điều tra thu thập thông tin sau: * Thông tin chung: Tên; địa chỉ; số điện thoại, Fax; địa chỉ email của đơn vị điều tra; mã số thuế của đơn vị điều tra; ngành hoạt động kinh doanh chính. * Thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động. Doanh thu thuần của các ngành dịch vụ | Như cũ | |

| STT | DIỄN GIẢI | PA ĐANG THỰC HIỆN | PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 | GHI CHÚ (những điểm mới) |
|-----|---|---|---|--|
| 2 | Phiếu điều tra | Phiếu 01/LAD-DN Phiếu 02/LAD-CT Phiếu 03/DVK-DN Phiếu 04/DVK- CT Phiếu 05/TT.KHCN- Phiếu DN 06/TT.KHCN-CT | Phiếu 01/LAD-DN Phiếu 02/LAD-CT Phiếu 03/DVK- DN Phiếu 04/DVK- CT Phiếu 05/TT.KHCN-DN | Thêm Phiếu 07/DN-TC: phiếu thông tin về dịch vụ tài chính |
| VI | QUY MÔ MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU | | | |
| 1 | Quy mô mẫu | *Lập biểu số lượng cơ sở Dn theo từng nhóm ngành để tiến hành điều tra hàng tháng: Ngành 55; ngành 56; ngành 68; ngành 77; ngành 78; ngành 79; ngành 80; ngành 81; ngành 82; ngành 85; ngành 86; ngành 90; ngành 92; ngành 93; ngành 95; ngành 96. * Lập biểu số lượng cơ sở doanh nghiệp theo từng nhóm ngành để tiến hành điều tra hàng | | Không gửi kèm Phụ lục về phương pháp chọn mẫu theo QĐ 990 (ngày 07/10/2021) |

| STT | DIỄN GIẢI | PA ĐANG THỰC HIỆN | PA MỚI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 | GHI CHÚ (những điểm mới) |
|-----|------------------------|--|------------------------------|--------------------------|
| 2 | Phương pháp chọn mẫu | <p>*Phân DN: B1. Xác định đường cắt. Đường cắt được xác định trong mỗi danh sách DN của từng ngành là đường phân cách ngay dưới dòng có tỷ trọng doanh thu cộng dồn bằng hoặc lớn hơn 60%. Đường cắt chia danh sách thành 2 nhóm: Nhóm 1 là nhóm gồm những cơ sở doanh nghiệp trên đường cắt. Nhóm 2. Gồm những cơ sở doanh nghiệp ở dưới đường cắt.</p> <p>Bước 2: Đối với nhóm một: Điều tra toàn bộ những DN trong nhóm 1. Các cơ sở DN trong nhóm 2 sẽ được sử dụng trong trường hợp thay mẫu. Kết quả điều tra của nhóm 1 sẽ được sử dụng để suy rộng cho nhóm 2.</p> <p>*Cá Thể:</p> <p>Bước 1. Xác định đường cắt. Đường cắt được xác định trong mỗi danh sách cá thể của từng ngành là đường phân cách ngay dưới dòng có tỷ trọng doanh thu cộng dồn bằng hoặc lớn hơn 50% (nếu tỷ trọng doanh thu cộng dồn của dòng liền trước chưa đủ 50%). Đường cắt chia danh sách thành 2 nhóm: Nhóm 1 là nhóm gồm những cơ sở cá thể trên đường cắt. Nhóm 2. Gồm những cơ sở cá thể ở dưới đường cắt.</p> | | |
| VII | NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP | | | |